TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quang Chung.
Ông Hoàng Danh Nghĩa.
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.
Đại diện VKSND huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa : Ông Phạm Văn Luật – Kiển sát viên.
Ngày 05/7/2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc: "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Chị An Thị Mộng C, sinh năm 1997.
Địa chỉ: Tổ 9, ấp 3, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991.
Địa chỉ: 57/12, ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai
(Tại phiên tòa có mặt chị C; vắng mặt anh H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/3/2018, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay ý kiến của nguyên đơn chị An Thị Mộng C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn, được UBND xã P, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/12/2017.

Vợ chồng sống hạnh phúc được 02 tháng đầu tiên thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do mẹ của anh H (tên Trịnh Thị Miến) hỏi mượn vàng của chị, chị không đồng ý nên mẹ của anh H có buồn chị vài ngày. Đến ngày 05 tết âm lịch năm 2017 chị xin phép cha mẹ chồng cho chị đi làm nhưng mẹ anh H cũng không đồng ý, chị và anh H có xin phép cha mẹ chồng cho ăn riêng, thì mẹ anh H nói nếu ăn riêng thì dọn ra khỏi nhà ở riêng. Sau đó chị và anh H chuyển

ra ở riêng được 06 ngày thì ngày nào anh H cũng buồn bã rồi nghĩ về gia đình. Chị nghĩ vợ chồng sống với nhau như vậy không được nên chị xin anh H về bên nhà bố mẹ đẻ của chị sống mấy ngày, mấy ngày sau chị quay lại thì anh H lại bảo dọn đồ dùng về sống chung với gia đình anh H. Sau đó cha mẹ đẻ của chị có qua nhà anh H để nói chuyện thì anh H nói không thể sống xa gia đình anh H được, sau đó chị cũng quay về sống với gia đình của bố mẹ chị mà không về sống chung với gia đình anh H nữa. Kể từ khi chị quay về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống thì chị và anh H không gặp gỡ hay thăm nom gì nhau, thỉnh thoảng có nhắn tin nhưng anh H đều nhắn những từ ngữ thô tục để xúc phạm chị. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể quay về sống chung với nhau được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/4/2018 anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhận: Anh và chị C tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn, được UBND xã P, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/12/2017.

Vợ chồng anh sinh sống hạnh phúc đến ngày 13/3/2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do chị C cho rằng anh không quan tâm chăm sóc, yêu thương chị C, ngoài ra thì vợ chồng không xảy ra cự cãi hay xung đột lẫn nhau. Cũng trong ngày 13/3/2018 thì chị C bỏ về bên nhà bố mẹ đẻ của chị C để sinh sống mà không quay về sống chung với anh nữa. Sau khi chị C bỏ nhà đi thì anh có qua nhà bố mẹ chị C để thuyết phục chị C về sống chung với anh nhưng chị C ra điều kiện là phải cắt khẩu ra ở riêng thì chị mới đồng ý về sống chung với anh. Nhưng hiện nay anh vẫn chưa cắt khẩu ra ở riêng nên chị C vẫn chưa đồng ý về sống chung với anh. Nay chị C làm đơn xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm yêu thương chị C và mong muốn vợ chồng về sống đoàn tụ với nhau.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý cho anh H và anh H đã có lời khai tại Tòa án. Tòa án đã tiến hành tống đạt giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H nhưng anh H đã có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử. Vì vậy, anh H không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị C đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị C, anh H (Bản sao); 02 Sổ hộ khẩu (Bản sao); 01 giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Bản sao các tài liệu, chứng cứ này bị đơn đã nhận được.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản ghi lời khai của người làm chứng ông An Quang Ngà, biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị C không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự . Các Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị C, cho chị C được ly hôn anh H.

+ Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị C phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa chị An Thị Mộng C không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị An Thị Mộng C có đơn khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự , xác định chị C là nguyên đơn, anh H là bị đơn.

[1.2] Anh Nguyễn Văn H là bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân huyện T có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.3] Chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn".

[1.4] Anh H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị C và anh H được xác lập trên cở sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/12/2017. Như vậy, hôn nhân giữa chị C và anh H được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay chị C yêu cầu ly hôn, thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự, kết quả xác minh thực tế tại địa phương thể hiện: Chị C xin ly hôn với lý do giữa chị và mẹ anh H có xảy ra mâu thuẫn, bên cạnh đó anh H dành nhiều tình cảm cho gia đình mà không yêu thương chăm sóc chị. Chị và anh H cũng đã ly thân từ tháng 3/2018 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh H, không thể tiếp tục chung sống và có nguyện vọng ly hôn với anh H.

Anh H cho rằng thuẫn giữa anh và chị C là do chị C cho rằng anh không quan tâm chăm sóc, yêu thương chị C. Hiện nay anh và chị C cũng đã sống ly thân từ tháng 3/2018 cho đến nay. Nay chị C làm đơn xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm yêu thương chị C và mong muốn vợ chồng về sống đoàn tụ với nhau.

Xét, chị C và anh H hiện nay đã không còn sống chung với nhau, bản thân anh H sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án và đã có lời khai về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Tại phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì anh H không đến tòa làm việc mà có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử, thể hiện anh H không mong muốn hòa giải để vợ chồng cùng đoàn tụ sống chung.

Như vậy, có căn cứ xác định chị C và anh H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để chị C và anh H có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp chận yêu cầu của chị C, cho chị được ly hôn với anh H.

[2.2] Về con chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị C chịu án phí DSST về yêu cầu ly hôn.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị An Thị Mộng C.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị An Thị Mộng C được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- *Về con chung:* Không có.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

2/ *Về án phí:* Chị An Thị Mộng C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn . Số tiền 300.000 đồng chị C đã nộp theo biên lai thu số số 009124 ngày 20/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được chuyển thành án phí.

3/ Chị An Thị Mộng C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã P(để ghi vào sổ hộ tịch; số 86, ngày 18/12/2017);
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nam

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA